

CHIẾN LƯỢC ĐÁNH GIÁ VÀ LẬP LUẬN TRONG BÀI VIẾT LUẬN TIẾNG ANH: TIẾP CẬN TỪ KHUNG LÝ THUYẾT ĐÁNH GIÁ

(Khảo sát sinh viên năm thứ nhất, ngành Ngôn ngữ Anh,
Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẠM THI TUYẾT MAI*

Abstract: This study examines the utilization of evaluative language in argumentative essays written by first-year English-major students at VNU - International School, using Martin and White (2005)'s Appraisal framework. Twenty essays responding on the prompt "Do the benefits of technology in education outweigh the drawbacks?" were reviewed and divided into high-quality (Band 6 - 7 IELTS) and low-quality (Band 4 - 5 IELTS) categories. The results suggest clear disparities between the two groups regarding both the quantity and quality of Appraisal resources (Attitude, Engagement and Graduation) emerged. Good essays used a broader range of lexis, a greater range of dialogic strategies and poor ones were characterized by emotive, subjective language and a lack of argument. This finding shows that academic writing competence is developed through knowledge of both grammar, coherence, and effective uses of evaluative language. The study suggests that a genre-based pedagogy and the Appraisal theory can be integrated into writing instruction to cultivate students' critical thinking and academic voice.

Keywords: *Appraisal theory, academic writing, evaluative language, argumentative essay*

1. Dẫn nhập

Viết học thuật là kỹ năng thiết yếu với sinh viên ngành tiếng Anh, đặc biệt trong môi trường đại học, nơi lập luận đòi hỏi tính chặt chẽ và thuyết phục. Khả năng sử dụng ngôn ngữ đánh giá - thể hiện thái độ, lập trường và điều chỉnh giọng điệu - giữ vai trò then chốt nhưng vẫn là thách thức với người học tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL) do ảnh hưởng văn hoá, trình độ và hạn chế tiếp xúc với diễn ngôn học thuật chuẩn [10], [16].

Khung Đánh giá của Martin & White [12] gồm ba hệ thống: Thái độ (Attitude), Tương tác lập trường (Engagement) và Thang độ (Graduation) là công cụ hữu ích để phân tích cách người viết thể hiện quan điểm, đánh giá hiện tượng và định vị lập trường. Trong giảng dạy EFL, khung này giúp nhận diện chiến lược lập luận và mức độ phát triển tư duy học thuật [11], [4].

Tại Việt Nam, nghiên cứu viết học thuật tiếng Anh mới chú trọng tổ chức văn bản, từ vựng học thuật và cấu trúc luận điểm [13], trong khi vai trò của ngôn ngữ đánh giá chưa được khảo sát sâu. Sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN thường gặp khó khăn trong thể hiện quan điểm học thuật, dẫn đến bài luận thiếu tính phân biện, giọng điệu chưa phù hợp hoặc đánh giá thiếu cơ sở.

Từ thực tiễn này, bài viết nghiên cứu khảo sát cách sinh viên năm nhất sử dụng các nguồn lực đánh giá trong bài luận tiếng Anh học thuật, tập trung vào ba hệ thống của khung Đánh giá, nhằm làm rõ đặc điểm ngôn ngữ và chiến lược lập luận ở hai nhóm trình độ viết khác nhau. Kết quả không chỉ bổ sung lý thuyết về viết học thuật trong bối cảnh EFL, mà còn gợi ý hướng tiếp cận giảng dạy viết dựa trên diễn ngôn và lập luận, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại Việt Nam.

* Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: maipitt@vnui.edu.vn

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

(1) *Khái niệm Đánh giá (Appraisal)* thuộc Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics - SFL) do Martin & White [12] phát triển, dùng để phân tích cách người viết thể hiện quan điểm, thái độ và lập trường trong diễn ngôn. Khác với các mô hình chỉ chú trọng cú pháp hay từ vựng, Appraisal tiếp cận ở chiều sâu ngữ nghĩa để lý giải sức thuyết phục của văn bản học thuật.

Khung này gồm ba hệ thống chính: Thái độ (Attitude) - qua Cảm xúc (Affect), Đánh giá hành vi (Judgment) và Đánh giá sự vật (Appreciation); Sự tương tác lập trường (Engagement) - phản ánh mức độ đối thoại với quan điểm khác; và Thang độ (Graduation) - điều chỉnh cường độ (Force) và phạm vi (Focus) đánh giá.

Vận dụng hiệu quả ba hệ thống giúp người viết xác lập lập trường rõ ràng, duy trì giọng điệu khách quan và lập luận thuyết phục. Trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh như ngoại ngữ, Appraisal là công cụ hữu ích để phát triển giọng điệu học thuật và tư duy phản biện - những năng lực cốt lõi trong giáo dục đại học.

(2) *Viết học thuật và lập luận trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ*

Viết học thuật đòi hỏi sự kết hợp giữa năng lực ngôn ngữ, tư duy phản biện và hiểu biết về diễn ngôn. Với người học tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL), kỹ năng này gặp nhiều thách thức do hạn chế vốn từ, khác biệt văn hoá trong lập luận và ít tiếp xúc với văn phong học thuật (Hinkel, 2002, 2003, 2004).

Một bài luận tranh biện hiệu quả cần (1) luận điểm rõ ràng, (2) lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục, (3) xử lí quan điểm đối lập [14]; đồng thời duy trì văn phong khách quan với từ vựng học thuật và cấu trúc cú pháp chặt chẽ [10].

Khung Đánh giá (Appraisal) của Martin & White [12] là công cụ phân tích lập trường và giọng điệu học thuật, gồm: Thái độ (Attitude) - cảm xúc, đánh giá hành vi, sự vật; Sự tương tác lập trường (Engagement) - đối thoại với quan điểm khác; và Thang độ (Graduation) - điều chỉnh cường độ và phạm vi đánh giá. Việc vận dụng khung này giúp người viết thể hiện lập trường rõ ràng, tăng tính thuyết phục và định hình giọng điệu học thuật phù hợp chuẩn quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh EFL.

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong hai thập kỉ qua, hệ thống Đánh giá (Appraisal) đã được ứng dụng rộng rãi để phân tích viết học thuật, tập trung vào cách người học thể hiện lập trường và xây dựng lập luận. Khung này gồm ba hệ thống chính: Thái độ (Attitude), Sự tương tác lập trường (Engagement) và Thang độ (Graduation).

Các nghiên cứu quốc tế ([6], [8], [11], [4]) khẳng định vai trò trung tâm của Appraisal trong việc duy trì lập trường, điều chỉnh giọng điệu và thúc đẩy tư duy phản biện. Việc sử dụng hợp lí Judgment giúp đánh giá hành vi và năng lực một cách khách quan, trong khi Graduation điều chỉnh mức độ chắc chắn và cường độ lập luận, đảm bảo tính học thuật và tránh áp đặt ý kiến cá nhân.

Tại Việt Nam, dù còn mới mẻ, Appraisal đã chứng minh tiềm năng ứng dụng. Chung & Crosthwaite [5] phát hiện sinh viên Việt Nam học EFL thiên về biểu đạt cảm xúc (Affect) và hạn chế sử dụng Appreciation và Judgment, làm giảm tính học thuật. Nguyễn Bảo Huy [1] cho thấy giảng viên Việt Nam dùng Graduation để kiểm soát độ chắc chắn, kết hợp Engagement và Attitude một cách chiến lược. Võ Nguyễn Thùy Trang [3] chứng minh Appraisal giúp nhận diện hệ thống giá trị văn bản, còn Nguyễn Bích Hồng [2] nhấn mạnh khác biệt liên văn hoá trong sử dụng Attitude và Engagement giữa tiếng Việt và tiếng Anh, khẳng định tầm quan trọng của đào tạo lập luận học thuật cho người học EFL.

Tổng quan cho thấy khoảng trống nghiên cứu: (1) thiếu các so sánh theo thang điểm để nhận diện mẫu hình đánh giá hiệu quả; (2) chưa có nhiều nghiên cứu về sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN, nhóm có đặc thù rõ rệt; và (3) ứng dụng sự phạm của Appraisal trong dạy viết học thuật còn hạn chế. Nghiên cứu này nhằm phân tích chiến lược sử dụng Appraisal trong

bài luận tiếng Anh học thuật của sinh viên năm nhất, qua đó làm rõ vai trò của ngôn ngữ đánh giá trong củng cố lập luận và nâng cao hiệu quả giảng dạy viết trong bối cảnh EFL.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- (1) Sinh viên sử dụng các chiến lược Appraisal nào trong bài viết luận tiếng Anh?
- (2) Có sự khác biệt gì trong việc sử dụng Appraisal giữa các bài viết được đánh giá cao và thấp?
- (3) Các chiến lược đánh giá đóng vai trò gì trong việc nâng cao chất lượng viết luận học thuật?

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn tích hợp định tính và định lượng mô tả, nhằm tìm hiểu cách sinh viên sử dụng ngôn ngữ đánh giá trong bài viết học thuật tiếng Anh, với trọng tâm là hệ thống Đánh giá [12]. Mục tiêu là so sánh sự khác biệt giữa hai nhóm sinh viên có trình độ viết khác nhau, từ đó xác định các đặc điểm ngôn ngữ có liên quan đến hiệu quả lập luận trong bối cảnh người học tiếng Anh như ngoại ngữ.

4.2. Công cụ nghiên cứu

Khung phân tích chính được sử dụng là hệ thống Đánh giá [12], thuộc Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics - SFL). Hệ thống này bao gồm ba nhánh ngữ nghĩa: Thái độ (Attitude), Tương tác lập trường (Engagement) và Thang độ (Graduation).

4.3. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu gồm 20 bài luận học thuật tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Quốc tế - ĐHQGHN, trong học phần Viết 2, với chủ đề: “Do the benefits of technology outweigh its drawbacks in education?”. Chủ đề này yêu cầu thể hiện lập trường, lập luận chặt chẽ và dùng ngôn ngữ đánh giá phù hợp học thuật.

Tất cả các bài viết được chấm điểm độc lập bởi hai giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy viết học thuật và đã được đào tạo chấm thi IELTS, dựa trên thang điểm của phần IELTS Writing Task 2 với bốn tiêu chí: Mức độ hoàn thành yêu cầu, Tính liên kết và mạch lạc, Vốn từ vựng và Độ đa dạng và chính xác ngữ pháp. Từ toàn bộ tập bài, 10 bài đạt điểm cao (tương đương Band 6 - 7) và 10 bài đạt điểm thấp (tương đương Band 4 - 5) được chọn để phân tích.

4.4. Phân tích dữ liệu

Các bài luận được đọc kỹ nhiều lần để nhận diện và mã hoá thủ công các đơn vị ngôn ngữ đánh giá theo ba phân hệ, ghi vào bảng Excel kèm câu trích, loại, phân hệ phụ, nhóm điểm và ngữ cảnh. Dữ liệu định lượng được tổng hợp, tính trung bình và độ lệch chuẩn để so sánh giữa hai nhóm; dữ liệu định tính phân tích các đơn vị tiêu biểu nhằm làm rõ vai trò lập luận, tính học thuật và giọng điệu.

5. Kết quả và thảo luận

Phân tích 20 bài luận học thuật của sinh viên cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm điểm cao và điểm thấp trong việc sử dụng các nguồn lực ngôn ngữ đánh giá Ba hệ thống chính của hệ thống đánh giá - Thái độ (Attitude), Sự tương tác lập trường (Engagement) và Thang độ (Graduation) - không chỉ phản ánh năng lực sử dụng ngôn ngữ mang tính học thuật mà còn cho thấy mức độ phát triển về tư duy lập luận, sự kiểm soát giọng điệu và khả năng tổ chức văn bản của người học tiếng Anh như ngoại ngữ.

5.1. Thái độ (Attitude): Sự khác biệt về sử dụng ngôn ngữ

Trong ba hệ thống của khung Đánh giá, Thái độ (Attitude) là nguồn lực được sử dụng thường xuyên nhất ở cả hai nhóm bài viết, phản ánh vai trò trung tâm của hệ thống này trong việc thể hiện quan điểm, định hướng giá trị và lập trường của người viết trong lập luận học thuật.

Ở nhóm bài viết đạt điểm cao (tương đương Band 6 - 7 IELTS), phân hệ Đánh giá sự vật (Appreciation) được sử dụng nổi bật, thể hiện khả năng đánh giá hiện tượng một cách khách quan bằng ngôn ngữ học thuật, thay vì thiên về cảm xúc cá nhân. Ví dụ:

Digital platforms enhance accessibility and foster lifelong learning, which is essential in contemporary education. (Các nền tảng số nâng cao khả năng tiếp cận và thúc đẩy việc học suốt đời, điều này rất cần thiết trong giáo dục hiện đại.)

Ba từ *enhance*, *foster* và *essential* là các biểu thức thuộc Đánh giá sự vật (Appreciation), cho phép người viết đánh giá hiện tượng theo các giá trị mang tính học thuật và thể chế, như Martin & White [12] mô tả.

Nhiều bài viết ở nhóm này cũng thể hiện khả năng lựa chọn từ vựng có hàm ý tích cực nhưng vẫn giữ được giọng điệu trung lập. Ví dụ:

E-learning environments offer flexible access to high-quality resources, enabling learners to take greater ownership of their learning process. (Môi trường học trực tuyến cung cấp quyền truy cập linh hoạt tới các tài nguyên chất lượng cao, cho phép người học làm chủ quá trình học tập của mình.)

Cụm *high-quality resources* thể hiện Đánh giá sự vật (Appreciation - phản ứng/giá trị); trong khi *flexible* và *greater ownership* phản ánh quan điểm tích cực về hiệu quả và vai trò chủ động - những giá trị được đánh giá cao trong giáo dục đương đại.

Ngoài ra, các bài viết điểm cao còn sử dụng Đánh giá hành vi (Judgment) một cách kín đáo, thường nhằm đánh giá năng lực chuyên môn hoặc đạo đức nghề nghiệp, nhưng vẫn giữ được giọng điệu phi cá nhân. Ví dụ:

Teachers must be digitally literate to design meaningful online interactions. (Giáo viên cần có năng lực sử dụng công nghệ số để thiết kế các tương tác trực tuyến có ý nghĩa.)

Từ *digitally literate* thuộc Đánh giá hành vi (Judgment - năng lực), phản ánh tiêu chuẩn chuyên môn mang tính khách quan, không bị chi phối bởi cảm xúc cá nhân.

Ngược lại, nhóm bài viết điểm thấp (Band 4 - 5) cho thấy sự lệch chuẩn về mặt lập luận và giọng điệu học thuật do lạm dụng phân hệ Cảm xúc (Affect) - tức là thể hiện cảm xúc chủ quan thay vì đưa ra đánh giá lí luận. Ví dụ:

I feel that learning online is boring and not real. (Tôi cảm thấy học trực tuyến thật nhàm chán và không thực tế.)

Cụm *boring* và *not real* thuộc Cảm xúc (Affect - không hài lòng/phi lý), phản ánh cảm xúc cá nhân không được hỗ trợ bởi lập luận hay dẫn chứng, khiến văn bản thiếu thuyết phục.

Những cách thể hiện này cho thấy sự nhầm lẫn giữa phong cách viết học thuật và diễn ngôn thể hiện quan điểm cá nhân. Như Tang và John [15] đã chỉ ra, việc lạm dụng đại từ ngôi thứ nhất có thể làm suy giảm tính khách quan và học thuật trong lập luận của người viết.

Tóm lại, nhóm điểm cao cho thấy khả năng sử dụng thái độ như một chiến lược ngôn ngữ có chủ đích: lựa chọn từ vựng có sắc thái đánh giá phù hợp, kiểm soát giọng điệu khách quan, và kết nối chặt chẽ giữa lập trường với các giá trị học thuật được công nhận. Ngược lại, nhóm điểm thấp chưa làm chủ được ba phân hệ của thái độ, dẫn đến văn bản bị chi phối bởi cảm xúc cá nhân, thiếu chuẩn mực học thuật và thuyết phục kém.

5.2. Sự tương tác lập trường (Engagement): Khả năng lập luận và thể hiện giọng điệu

Hệ thống Sự tương tác lập trường (Engagement) trong khung đánh giá là công cụ thể hiện rõ rệt năng lực phản biện và khả năng kiến tạo lập luận đa chiều của người viết. Sự khác biệt giữa hai nhóm bài

viết thể hiện ở việc nhóm điểm cao sử dụng Sự tương tác lập trường như một chiến lược lập luận hiệu quả, trong khi nhóm điểm thấp hoặc bỏ qua hoàn toàn, hoặc sử dụng sơ sài và thiếu chiều sâu lí luận.

Ở nhóm bài viết chất lượng cao (Band 6 - 7 IELTS), Sự tương tác lập trường được triển khai có chủ đích dưới hai hình thức chính: mở rộng đối thoại (dialogic expansion) và thu hẹp đối thoại (dialogic contraction). Cách vận dụng linh hoạt này cho phép người viết thừa nhận tồn tại của các quan điểm trái chiều, trước khi khẳng định lập trường riêng thông qua phản biện có căn cứ. Ví dụ:

Although it is argued that online classes reduce face-to-face communication, they can still foster meaningful interaction through breakout rooms and peer feedback. (Mặc dù có ý kiến cho rằng các lớp học trực tuyến làm giảm tương tác trực tiếp, nhưng chúng vẫn có thể thúc đẩy tương tác ý nghĩa thông qua các phòng thảo luận nhóm và phản hồi từ bạn học.)

Câu trên thể hiện rõ chiến lược đàm phán lập trường (engagement negotiation) như mô tả trong Martin & White (2005): người viết không bác bỏ quan điểm trái chiều một cách trực tiếp mà thừa nhận nó như một góc nhìn hợp lý, sau đó đưa ra lí lẽ phản biện cụ thể để bảo vệ lập trường cá nhân. Việc sử dụng cấu trúc “Although... still...” giúp duy trì giọng điệu khách quan và tạo cảm giác đối thoại học thuật thay vì tranh luận cảm tính.

Ngược lại, các bài viết điểm thấp (Band 4 - 5) thường cho thấy sự hạn chế trong việc sử dụng Sự tương tác lập trường (Engagement). Một số bài chỉ đưa ra quan điểm cá nhân một cách đơn tuyến, không đề cập hoặc không xử lí hiệu quả các quan điểm đối lập. Trong khi đó, những bài khác tuy có nhắc đến ý kiến khác nhưng chỉ dừng lại ở mức liệt kê hoặc trình bày một cách sơ lược, thiếu lập luận phản biện rõ ràng. Ví dụ:

Mọi người nghĩ học trực tuyến nhàm chán. Tôi không đồng ý. (People think online learning is boring. I disagree.)

Câu trên thể hiện một dạng phản bác tối thiểu - người viết chỉ nêu ý kiến trái chiều mà không giải thích lí do, không phản biện lập luận của quan điểm kia, và không đưa ra bằng chứng hỗ trợ cho lập trường của chính mình. Hơn nữa, cấu trúc từ vựng và ngữ pháp đơn giản như “Tôi không đồng ý” hay “Mọi người nghĩ rằng...” cho thấy người viết chưa khai thác được các phương tiện ngôn ngữ học thuật để thể hiện lập trường một cách thuyết phục.

Ngoài ra, việc lặp lại các liên từ phổ thông như “nhưng”, “vì vậy”, “bởi vì” (but, so, because) ở nhóm bài điểm thấp cũng phản ánh hạn chế trong vốn từ kết nối và thiếu chiến lược lập luận rõ ràng. Trong khi đó, nhóm bài viết điểm cao sử dụng đa dạng các liên từ học thuật như *although*, *while*, *whereas*, với chức năng rõ ràng trong việc tổ chức lập luận đối lập, so sánh hoặc nhượng bộ. Những cấu trúc này không chỉ giúp bài viết mạch lạc hơn mà còn góp phần tạo chiều sâu lập luận. Ví dụ:

While it is often believed that online learning limits collaboration, recent studies suggest that virtual teamwork enhances problem-solving skills. (Mặc dù người ta thường cho rằng học trực tuyến hạn chế sự hợp tác, nhưng các nghiên cứu gần đây cho thấy làm việc nhóm qua môi trường ảo giúp nâng cao kĩ năng giải quyết vấn đề.)

Câu trên là một minh chứng cho chiến lược đàm phán lập trường trong khung đánh giá. Người viết bắt đầu bằng việc thừa nhận quan điểm phổ biến (“it is often believed that...”), thể hiện thái độ khách quan, sau đó nêu lập trường thông qua dẫn chứng học thuật (“recent studies suggest that...”). Việc sử dụng cấu trúc “While... suggest that...” cho thấy năng lực xây dựng đối thoại học thuật mà không mất đi lập trường cá nhân - điều rất quan trọng trong viết học thuật.

Tóm lại, Sự tương tác lập trường (Engagement) không chỉ là phương tiện thể hiện sự hiện diện của các quan điểm khác trong bài viết, mà còn là chỉ báo về năng lực xây dựng đối thoại học thuật và phát triển tư duy phản biện. Sự khác biệt rõ ràng giữa hai nhóm bài viết cho thấy nhu cầu thiết thực

của việc tích hợp giảng dạy các chiến lược lập luận tương tác trong các học phần viết học thuật, đặc biệt đối với người học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

5.3. Thang độ (Graduation): Kiểm soát cường độ và phạm vi đánh giá

Trong viết học thuật, Thang độ đóng vai trò then chốt trong việc điều chỉnh sắc thái biểu đạt và giới hạn phạm vi lập luận. Hệ thống này bao gồm hai phương diện chính: Cường độ - tăng/giảm sức mạnh của đánh giá (Force) và Phạm vi - làm rõ hoặc làm mờ ranh giới của hiện tượng (Focus). Việc kiểm soát tốt Thang độ giúp người viết duy trì giọng điệu khách quan, học thuật và tránh kháng định cảm tính hoặc quá mức - những yêu cầu đặc trưng trong lập luận học thuật hiệu quả.

Trong các bài viết đạt điểm cao (Band 6 - 7 IELTS), người viết sử dụng Thang độ như một chiến lược ngôn ngữ để điều tiết ý nghĩa đánh giá một cách hợp lý. Ví dụ:

Online learning might slightly reduce opportunities for spontaneous discussion, but it also opens up new modes of peer interaction. (Việc học trực tuyến có thể làm giảm nhẹ cơ hội thảo luận ngẫu hứng, nhưng đồng thời mở ra các hình thức tương tác mới giữa người học.)

Cụm “có thể làm giảm nhẹ” biểu hiện rõ hai lớp điều chỉnh: giảm mức độ chắc chắn, thể hiện cường độ giảm nhẹ; và giảm mức độ tác động của hành động.

Việc sử dụng các cấu trúc như vậy cho thấy năng lực kiểm soát đánh giá tinh tế và phù hợp với đặc trưng văn bản học thuật - tránh kháng định tuyệt đối nhưng vẫn bảo vệ được lập trường.

Ngoài ra, việc điều chỉnh phạm vi được thể hiện rõ qua các từ như:

Most institutions have adopted hybrid models. (Hầu hết các cơ sở giáo dục đã áp dụng mô hình kết hợp.)

Các từ như “hầu hết” là biểu thức điều chỉnh phạm vi bao quát (focus), cho thấy người viết không khái quát hoá quá mức - một đặc điểm quan trọng trong lập luận học thuật hiệu quả.

Ngược lại, nhóm bài viết điểm thấp thường mắc hai lỗi chính: hoặc cường điệu quá mức, hoặc không điều chỉnh gì cả, khiến cho lập luận trở nên thiếu chính xác hoặc cảm tính. Ví dụ:

Online classes are extremely boring and students never learn anything. (Lớp học trực tuyến cực kì nhàm chán và sinh viên không bao giờ học được gì cả.)

Trong câu này, các cụm “cực kì nhàm chán” (*extremely boring*) và “không bao giờ học được gì” (*never learn anything*) thể hiện cường độ hoá cảm tính với các từ nhấn mạnh như *extremely* (cực kì) và *never* (không bao giờ). Đây là những biểu thức cường điệu thường thấy trong khẩu ngữ và thiếu cơ sở lập luận rõ ràng, dẫn đến nhận định phiến diện, làm suy giảm tính học thuật của bài viết. Hơn nữa, cụm “không bao giờ học được gì” là một dạng khái quát tuyệt đối, không cho thấy bất kì nỗ lực điều chỉnh nào về phạm vi (*focus*) - một biểu hiện của thiếu hụt kĩ năng sử dụng ngôn ngữ đánh giá trong bối cảnh học thuật.

Tóm lại, Thang độ (Graduation) là một trong những công cụ đánh giá quan trọng giúp người viết điều tiết lập luận sao cho phù hợp với đặc điểm khách quan và thuyết phục của văn bản học thuật. Việc sử dụng chính xác và linh hoạt hệ thống này trong các bài viết điểm cao phản ánh rõ năng lực tư duy phân biện và kiểm soát giọng điệu học thuật, trong khi sự vắng mặt hoặc lạm dụng trong nhóm bài điểm thấp cho thấy hạn chế trong phát triển kĩ năng viết học thuật của người học.

5.4. Kết quả tổng hợp định lượng và đối chiếu giữa hai nhóm bài viết

Tổng số đơn vị Appraisal được mã hoá từ 20 bài luận là 321, trong đó nhóm điểm cao (10 bài) chiếm 214 đơn vị (trung bình 214, SD = 3,2), và nhóm điểm thấp (10 bài) có 107 đơn vị (trung bình 107, SD = 2,8). Khoảng cách này cho thấy sinh viên nhóm điểm cao không chỉ sử dụng Appraisal thường xuyên hơn, mà còn triển khai đa dạng và có chiến lược rõ ràng hơn.

Bảng 1. Tần suất và phân bố theo ba hệ thống Đánh giá

Hệ thống Đánh giá (Appraisal)	Nhóm điểm cao (n = 214)	Tỉ lệ (%)	Nhóm điểm thấp (n = 107)	Tỉ lệ (%)
Thái độ (Attitude)	166	77,6%	68	63,6%
Tương tác lập trường (Engagement)	66	30,8%	10	9,3%
Thang độ (Graduation)	74	34,6%	21	19,6%

Kết quả phân tích 20 bài luận cho thấy nhóm điểm cao sử dụng hệ thống Đánh giá thường xuyên, đa dạng và có chiến lược hơn. Trong ba hệ thống - Thái độ (Attitude), Tương tác lập trường (Engagement) và Thang độ (Graduation) - Thái độ chiếm tỉ trọng lớn nhất (77,6% so với 63,6%), với ưu thế ở Đánh giá sự vật (Appreciation) bằng từ vựng học thuật (effective, relevant, evidence-based), trong khi nhóm điểm thấp thiên về từ ngữ cảm tính (good, helpful, bad) và thiếu kiểm soát giọng điệu. Nhóm điểm cao còn vận dụng Đánh giá hành vi (Judgment) gián tiếp, còn nhóm điểm thấp thường thay bằng cảm xúc chủ quan (Affect). Với Tương tác lập trường, nhóm điểm cao (30,8%) mở rộng đối thoại học thuật qua cấu trúc như *some argue that..., while it is true that...*, trong khi nhóm điểm thấp (9,3%) hầu như bỏ qua, khiến lập luận đơn tuyến. Ở Thang độ, nhóm điểm cao (34,6%) điều chỉnh mức độ đánh giá tinh tế (*highly effective, significantly improved*), còn nhóm điểm thấp (19,6%) lạm dụng cụm cường điệu cảm tính (*very good, super useful*).

Nhìn chung, nhóm điểm cao đáp ứng tốt tiêu chí lập luận học thuật [9], [7], còn nhóm điểm thấp thiếu kiểm soát nguồn lực ngôn ngữ. Nghiên cứu đề xuất tích hợp khung Đánh giá (Appraisal) vào học phần Viết học thuật cho sinh viên năm nhất tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN như công cụ chiến lược, kèm nhóm từ vựng và cấu trúc tiêu biểu cho từng tiêu hệ thống, đề rèn luyện khả năng nhận diện, sử dụng có mục đích và phát triển lập luận học thuật như trong bảng sau:

Bảng 2. Biểu thức đặc trưng cho các tiêu hệ thống trong khung Appraisal

Hệ thống Appraisal	Tiêu hệ thống	Biểu thức nên tránh (thiếu khách quan, cảm tính)	Biểu thức nên dùng (khách quan, học thuật)
Thái độ (Attitude)	Cảm xúc (Affect)	<i>I love this idea, It's amazing, I feel bad</i>	<i>This may cause concern, There is growing anxiety, It is widely appreciated that...</i>
	Đánh giá hành vi (Judgment)	<i>He is lazy, They are stupid, She is brilliant</i>	<i>The method lacks consistency, The researcher demonstrates strong analytical skills</i>
	Đánh giá sự vật (Appreciation)	<i>This is very good/bad, That's terrible, Awesome article</i>	<i>The findings are significant, The argument is well-structured, The study is insightful</i>
Sự tương tác lập trường (Engagement)	-	<i>Obviously, Everyone knows that, There's no doubt</i>	<i>According to recent studies..., It is argued that..., Some scholars claim that...</i>
Thang độ (Graduation)	-	<i>Totally wrong, Absolutely amazing, Kind of interesting</i>	<i>Partially supported, Somewhat effective, Highly relevant, Marginally problematic</i>

Ngoài ra, giảng viên có thể chọn lọc các bài viết mẫu (điểm cao và thấp) để tổ chức hoạt động phân tích đối chiếu theo ba hệ thống Đánh giá. Từ đó, người học sẽ phát triển năng lực ý thức ngôn ngữ siêu nhận thức về vai trò của ngôn ngữ đánh giá trong việc tạo lập văn bản học thuật hiệu quả. Bên cạnh đó, phản hồi của giáo viên nên tập trung vào việc nâng cao năng lực lập luận thông qua gợi ý cải thiện các cấu trúc ngôn ngữ mang tính đánh giá và tương tác.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định việc sử dụng ngôn ngữ đánh giá (Appraisal) có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bài luận tiếng Anh của sinh viên. Nhóm bài viết điểm cao vận dụng đa dạng và có

chiến lược ba hệ thống Thái độ (Attitude), Tương tác lập trường (Engagement) và Thang độ (Graduation), từ đó duy trì giọng điệu khách quan, phản biện hiệu quả và tăng sức thuyết phục cho lập luận. Ngược lại, nhóm điểm thấp thường lạm dụng cảm xúc cá nhân, thiếu xử lý quan điểm đối lập và cường điệu hóa đánh giá, dẫn đến bài viết kém mạch lạc và chưa đạt chuẩn mực học thuật.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tích hợp khung Đánh giá vào các học phần viết học thuật cho sinh viên năm nhất, kết hợp cung cấp danh mục từ vựng và cấu trúc tiêu biểu, phân tích bài viết mẫu và phản hồi của giảng viên tập trung vào chiến lược lập luận. Cách tiếp cận này giúp người học nâng cao khả năng nhận diện, sử dụng và kiểm soát ngôn ngữ đánh giá, phát triển tư duy phản biện và giọng điệu học thuật, từ đó góp phần cải thiện chất lượng đào tạo tiếng Anh trong bối cảnh đại học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Bảo Huy. *Ngôn ngữ đánh giá trong phần kết luận các bài báo khoa học của tác giả Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 37(1), 84–97. 2021.
2. Nguyễn Bích Hồng. *Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ đánh giá trong tiếng Anh và tiếng Việt trên cứ liệu bài tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ học*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. 2023. <https://thuvienso.net/document/view/luan-an-tien-si-ngon-ngu-hoc-nghien-cuu-doi-chieu-ngon-ngu-danh-gia-trong-tieng-anh-va-tieng-viet-tren-cu-lieu-bai-tap-chi-chuyen-nganh-ngon-ngu-hoc-907099>
3. Võ Ngọc Thùy Trang. *Ngôn ngữ đánh giá và phân xét trong văn bản bình luận về xã hội trên báo chí tiếng Việt và tiếng Anh*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, 18(2), 55–61. 2020.

Tiếng nước ngoài

4. Chang, P., Schleppegrell, M. J. *Disciplinary knowledge through writing: Supporting high school students' development as history writers*. Journal of Second Language Writing, 20(3), 137 - 151. 2011.
5. Chung, Tieu Thuy & Crosthwaite, Peter. (2024). Stance-taking through APPRAISAL in L1 and L2 English argumentative essays: insights from Vietnamese L2 English. IRAL - International Review of Applied Linguistics in Language Teaching. 10.1515/iral-2024-0079.
6. Coffin, C. *Historical discourse: The language of time, cause and evaluation*. Routledge. 2006.
7. Hinkel, E. *Second language writers' text: Linguistic and rhetorical features*. Lawrence Erlbaum Associates. 2002.
8. Hood, S. *Appraising research: Evaluation in academic writing*. Palgrave Macmillan. 2010.
9. Hyland, K. *Disciplinary discourses: Social interactions in academic writing*. University of Michigan Press. 2004.
10. Hyland, K. *Metadiscourse: Exploring interaction in writing*. Continuum. 2005.
11. Lee, S. H. *Beyond context: Appraisal and stance in EFL academic writing*. Text & Talk, 28(1), 83 - 105. 2008.
12. Martin, J. R., White, P. R. R. *The language of evaluation: Appraisal in English*. Palgrave Macmillan. 2005.
13. Nguyen, N. H., & Nguyen, K. D. (2022). Vietnamese learners' performance in the IELTS writing task 2: Problems, causes, and suggestions. *International Journal of TESOL & Education*, 2(1), 170–189. <https://doi.org/10.54855/ijte.222111>
14. Nussbaum, E. M., & Kardash, C. A. M. (2005). The effects of goal instructions and text on the generation of counterarguments during writing. *Journal of Educational Psychology*, 97(2), 157–169. <https://doi.org/10.1037/0022-0663.97.2.157>
15. Tang, R., & John, S. (1999, December). The 'I' in identity: Exploring writer identity in student academic writing through the first person pronoun. *English for Specific Purposes*, 18(Supplement 1), S23–S39.
16. Thompson, G., Hunston, S. *Evaluation: An introduction*. In S. Hunston & G. Thompson (Eds.), *Evaluation in text: Authorial stance and the construction of discourse* (pp. 1 - 27). Oxford University Press. 2000.